

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ LAM VỸ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-VHXH
V/v báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ
năm học 2025-2026 đối với GDMN,
GDTH; chỉ đạo tổ chức thực hiện
chăm sóc giáo dục trẻ trong thời gian
hè tại cơ sở GDMN

Lam Vỹ, ngày tháng 5 năm 2026

Kính gửi: Các trường Mầm non, Tiểu học trên địa bàn xã

Căn cứ Công văn số 2388/SGDDĐT-GDMN-GDTH ngày 12/5/2026 của Sở GDĐT về việc báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 đối với GDMN, GDTH; chỉ đạo tổ chức thực hiện chăm sóc giáo dục trẻ trong thời gian hè tại cơ sở GDMN.

Để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non (GDMN), giáo dục tiểu học (GDTH); đồng thời bảo đảm chế độ, chính sách cho giáo viên mầm non, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng gửi trẻ trong thời gian hè của gia đình trẻ và tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo tổ chức tốt các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ bảo đảm an toàn tại các trường Mầm non. UBND xã Lam Vỹ đề nghị các trường Mầm non, Tiểu học trên địa bàn thực hiện các nội dung sau:

I. CÔNG TÁC THỐNG KÊ VÀ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC ĐỐI VỚI GDMN, GDTH

1. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã tổ chức đánh giá, báo cáo tổng kết kết quả đạt được của năm học 2025-2026 gửi Ủy ban nhân dân xã.

2. Thực hiện rà soát dữ liệu trên phần mềm quản lý nhà trường, tiến hành báo cáo thống kê số liệu cuối năm học 2025-2026 đối với GDMN, GDTH trên Hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung ngành Giáo dục của tỉnh Thái Nguyên tại địa chỉ <https://csdlgiaoduc.thainguyen.gov.vn/> và thực hiện kết chuyển dữ liệu báo cáo cuối năm học 2025-2026 từ Hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung ngành Giáo dục của tỉnh Thái Nguyên lên Hệ thống cơ sở dữ liệu Bộ GDĐT tại địa chỉ <https://sgd.csdl.moet.gov.vn/>, thời gian hoàn thành báo cáo dữ liệu trên các hệ thống **trước ngày 05/6/2026**.

3. Trên cơ sở báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026, các trường Mầm non, Tiểu học xây dựng báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 theo đề cương tại phụ lục I và các số liệu tại phụ lục II, III (đính kèm theo văn bản) về UBND xã (qua Phòng Văn hóa - Xã hội). Đồng thời, thực hiện nộp báo cáo số liệu về thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học qua các đường link trực tuyến, thời gian hoàn thành **trước ngày 08/6/2026**:

- Đối với báo cáo số liệu của giáo dục tiểu học (phụ lục II) thực hiện nhập báo cáo số liệu trực tiếp vào đường link¹;

¹ Link báo cáo số liệu (phụ lục II) cấp tiểu học: <https://vnshort.com/16uW>;

- Đối với báo cáo số liệu của giáo dục mầm non (phụ lục III) thực hiện nộp file excel theo đường link².

II. CÔNG TÁC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ TRONG THỜI GIAN HÈ

1. Về quan điểm chỉ đạo: Các trường Mầm non tổ chức thực hiện chăm sóc giáo dục trẻ trong thời gian hè (nếu có) phải dựa trên nhu cầu thực tế của gia đình trẻ và sự đăng ký tự nguyện của giáo viên, nhân viên, không ép buộc hay gây áp lực cho đội ngũ. Mọi hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ trong hè phải đảm bảo an toàn cho trẻ, tuân thủ đúng quy định chuyên môn, không được dạy trước chương trình, tổ chức các hoạt động giáo dục hỗ trợ phát triển kỹ năng toàn diện cho trẻ trong môi trường an toàn, thân thiện.

Hiệu trưởng các trường MN căn cứ vào điều kiện thực tế và yêu cầu công việc để bố trí, sắp xếp thời gian nghỉ hè hợp lý cho giáo viên theo đúng quy định hiện hành, đồng thời tạo điều kiện để giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ trong dịp hè.

2. Điều kiện tổ chức hoạt động trong thời gian hè: Các trường Mầm non chỉ được tổ chức nhận trẻ trong hè khi đảm bảo đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, an toàn tuyệt đối cho trẻ, đội ngũ trực tiếp tham gia phải là giáo viên mầm non đăng ký tự nguyện và trên nhu cầu gửi con trong hè của cha mẹ trẻ.

3. Các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục trẻ trong thời gian hè được thực hiện theo mức quy định tại Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 29/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí và hỗ trợ kinh phí đối với các cơ sở giáo dục công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý; quy trình thực hiện các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ trong thời gian hè và chế độ chi đối với nội dung liên quan yêu cầu đảm bảo theo quy định tại Hướng dẫn số 1276/HD-SGDĐT ngày 18/9/2025 của Sở GDĐT Thái Nguyên về hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 29/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí và hỗ trợ kinh phí đối với các cơ sở giáo dục công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý.

4. Các trường Mầm non nếu có tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ trong thời gian hè thực hiện nghiêm túc việc đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định tại phần II của Công văn số 1020/SGDĐT-TCHC ngày 03/9/2025 của Sở GDĐT về hướng dẫn thực hiện công tác y tế trường học, bảo vệ, chăm sóc trẻ em và bảo đảm an toàn thực phẩm đối với bếp ăn tập thể, cơ sở cung cấp thực phẩm, suất ăn tại các cơ sở giáo dục; thực hiện đảm bảo an toàn trường học theo quy định tại mục 2 phần IV của Thông báo số 3203/SGDĐT-GDMN-GDTH ngày 29/12/2025 của Sở GDĐT Thái Nguyên về kết quả kiểm tra công tác tổ chức bán trú, an toàn trường học; lựa chọn sách giáo khoa, quản lý, sử dụng xuất bản phẩm tham khảo; chỉ đạo, triển khai chuyên môn, chuyên đề tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

² Link nộp báo cáo số liệu (phụ lục III) cấp mầm non:
<https://forms.gle/LvyoQojqvhQ9NPLu9>

(Có đính kèm các văn bản của Sở GDĐT đã ban hành)

5. Thời gian các trường Mầm non thực hiện tổ chức hoạt động hè

- Là thời gian nghỉ hè của giáo viên được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 17 Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo và khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 theo Quyết định số 543/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với GDMN, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Các trường Mầm non thực hiện báo cáo tình hình tổ chức thực hiện hoạt động hè năm 2026 theo đường link³ tại văn bản này, **hoàn thành trước ngày 05/6/2026**.

6. Các cơ quan, đơn vị liên quan và các trường Mầm non tăng cường công tác tự kiểm tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện và ngăn ngừa các sai phạm, đồng thời nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu theo thẩm quyền.

Đề nghị các trường Mầm non, Tiểu học trên địa bàn phối hợp triển khai. Nếu có vướng mắc, đơn vị báo cáo về UBND xã (qua Phòng Văn hóa - Xã hội) để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên (thực hiện);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT, VHXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ma Văn Quyết

³ Cơ sở GDMN báo cáo tình hình tổ chức hoạt động hè năm 2026 trước ngày 05/6/2026 theo đường link của Sở GDĐT:

<https://docs.google.com/spreadsheets/d/1o1hij0wZ1gy6gAQnjR-gJarltB1GUOYU6FLXxmAw6Js/edit?usp=sharing>

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỔNG KẾT NĂM HỌC 2025-2026
ĐỐI VỚI GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

Thực hiện Công văn số và Hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học năm học 2025-2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên, Trường báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, cụ thể như sau:

A. TÌNH HÌNH CHUNG

Báo cáo khái quát về:

1. Quy mô mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học trên địa bàn (trường công lập, ngoài công lập, nhóm trẻ độc lập); số điểm trường; tổng số nhóm, lớp, học sinh (nêu rõ số lớp ghép nếu có).

2. Tổng số trẻ mầm non (trẻ em từ 0-36 tháng tuổi, trẻ em từ 3 tuổi, 4 tuổi, 5 tuổi), học sinh tiểu học trên địa bàn theo dân số độ tuổi; tổng số trẻ mầm non, học sinh tiểu học đến trường; tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ, mẫu giáo, trẻ 5 tuổi đến trường và tỷ lệ học sinh tiểu học học 2 buổi/ngày.

3. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học; tình hình bố trí giáo viên theo định mức; số lượng giáo viên còn thiếu; cơ cấu giáo viên theo môn học đối với cấp tiểu học.

4. Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non và tổ chức dạy học cấp tiểu học.

5. Thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học đối với giáo dục mầm non và giáo dục tiểu học trên địa bàn.

B. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC MẦM NON

1. Công tác quản lý, chỉ đạo và chuyển đổi số

Đánh giá kết quả triển khai các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học;

- Số lượng văn bản, kế hoạch về triển khai và quản lý giáo dục mầm non trên địa bàn đã ban hành (thực hiện chuyển đổi số; việc xây dựng trường học hạnh phúc trong cơ sở GDMN; đổi mới nâng cao chất lượng trong thực hiện chương trình và triển khai STEAM/STEM....).

- Số lượng các cuộc kiểm tra, giám sát về an toàn trường học và thực hiện nhiệm vụ liên quan đến GDMN.

- Số lượng cụ thể thực hiện các chỉ tiêu về chuyển đổi số, tỷ lệ hồ sơ được thực hiện số hóa, đánh giá mức độ chuyển đổi số, thực hiện mô hình trường mầm non số.

- Tỷ lệ hoàn thành các chỉ tiêu theo nhiệm vụ năm học.

2. Kết quả thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

2.1. Công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe trẻ em

Đánh giá kết quả chỉ đạo, triển khai công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe trẻ em; tổ chức ăn bán trú, học 2 buổi/ngày; công tác y tế trường học; bảo đảm an toàn cho trẻ em tại các cơ sở GDMN.

- Số lượng, tỷ lệ trẻ học 2 buổi/ngày; việc đảm bảo tỷ lệ trẻ ăn bán trú theo quy định;

- Số lượng, tỷ lệ trẻ được khám sức khỏe định kỳ; tỷ lệ trẻ phát triển bình thường; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì; so sánh với chỉ tiêu nhiệm vụ năm học đề ra.

- Số vụ việc mất an toàn, tai nạn thương tích (nếu có); so sánh với chỉ tiêu nhiệm vụ năm học đề ra.

2.2. Chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Đánh giá kết quả thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục; tổ chức hoạt động trải nghiệm, STEAM/STEM, giáo dục kỹ năng sống; tăng cường tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu số; giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật; tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh; triển khai và thực hiện các mô hình giáo dục ..

- Số lượng các chuyên đề được triển khai;
- Số lượng, tỷ lệ trẻ hoàn thành mục tiêu giáo dục 5 lĩnh vực phát triển theo từng độ tuổi;
- Số lượng, tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN;
- Số lượng, tỷ lệ trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh;
- Số lượng trẻ khuyết tật học hòa nhập;
- Số lượng, tỷ lệ trẻ DTTS được tăng cường tiếng Việt;

Đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu chuyên môn theo kế hoạch năm học.

3. Công tác bảo đảm an toàn trường học

Đánh giá công tác xây dựng trường học an toàn; phòng chống tai nạn thương tích; phòng cháy chữa cháy; công tác kiểm tra, rà soát nguy cơ mất an toàn tại các cơ sở GDMN trên địa bàn.

- Số lần đơn vị cấp xã, trường tiến hành kiểm tra an toàn trường học;
- Số cuộc tập huấn về an toàn trường học, PCCC;
- Số vụ việc mất an toàn xảy ra trong năm học (nếu có);
- Số lượng cơ sở GDMN đạt tiêu chuẩn trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích theo Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021.

4. Công tác phổ cập giáo dục mầm non

Đánh giá kết quả huy động trẻ ra lớp; kết quả duy trì phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi; công tác phân công nhân lực điều tra, cập nhật dữ liệu phổ cập; đảm bảo các điều kiện thực hiện phổ cập trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi.

- Việc thực hiện các chế độ chính sách đối với trẻ em mầm non; nêu rõ số lượng trẻ hưởng theo từng loại chính sách.

- Số lượng, tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ; số lượng, tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo theo từng độ tuổi (3 tuổi, 4 tuổi, 5 tuổi) đến trường;

- Kết quả duy trì chuẩn phổ cập GDMN trẻ 5 tuổi; đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi theo Nghị định số 20/2014/NĐ-CP và phổ cập trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị định số 277/2025/NĐ-CP tại các chỉ tiêu của tỉnh, xã đưa ra.

5. Cơ sở vật chất, trường lớp

Đánh giá tình hình đầu tư, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất; bổ sung trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi; xây dựng trường chuẩn quốc gia.

- Tổng số phòng học; tỷ lệ phòng học kiên cố, bán kiên cố; số phòng học, phòng phục vụ học tập xây mới, sửa chữa; số trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu được bổ sung, cấp phát;

- Số lượng trường có phòng thư viện, phòng ngoại ngữ - tin học.

- Kết quả thực hiện công tác kiểm định và xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia: Số trường công nhận mới, công nhận lại, số trường quá hạn và lý do.

Đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cơ sở vật chất theo quy định và nhiệm vụ năm học.

6. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Đánh giá công tác bố trí, sử dụng đội ngũ; công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; tổ chức, tham gia sinh hoạt của cụm chuyên môn...

- Số lượng các buổi kết nối trong sinh hoạt chuyên môn (trực tiếp và trực tuyến);

- Số lượng trường thực hiện mô hình sinh hoạt chuyên môn kết nối trực tuyến; thực hiện phong trào “trường giúp trường”, “trường vùng thuận lợi giúp trường vùng khó khăn”, “giáo viên giúp giáo viên”....

- Số lượng các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ mầm non.

- Tổng số CBQL, GV, NV (tổng số giáo viên nhà trẻ, giáo viên mẫu giáo); số lượng biên chế, hợp đồng;

- Tổng số, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn, trên chuẩn, chưa đạt chuẩn;

- Tỷ lệ, định mức giáo viên/nhóm, lớp (nhà trẻ, mẫu giáo);

- Số lượt CBQL, GV được tập huấn, bồi dưỡng;

- Số lượng giáo viên hưởng các chế độ chính sách: Dạy lớp ghép; dạy trẻ tăng cường tiếng Việt cho trẻ DTTS; dạy trẻ khuyết tật học hoà nhập; dạy con công nhân khu công nghiệp;

Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu về đội ngũ theo nhiệm vụ năm học.

7. Công tác xã hội hóa và truyền thông

Đánh giá kết quả huy động nguồn lực xã hội hóa; công tác phối hợp với cha mẹ trẻ và cộng đồng; hoạt động truyền thông trên Website, Fanpage; các mô hình, sáng kiến tiêu biểu.

- Tổng kinh phí xã hội hóa đã huy động được từ tổ chức, cá nhân;
- Số lượng tin bài truyền thông đã đăng tải trên Website xã, trường và các kênh thông tin địa chúng khác;
- Số mô hình, sáng kiến được triển khai hiệu quả;

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC TIỂU HỌC

1. Công tác quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện

Nêu khái quát kết quả công tác quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục tiểu học triển khai thực hiện.

Kết quả chỉ đạo triển khai các nội dung đẩy mạnh trong năm học như giáo dục STEM/STEAM, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI); nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai; chuyên đổi số, xây dựng trường học hạnh phúc trong cơ sở giáo dục tiểu học; đổi mới sáng tạo cùng STEM, AI, ROBOTIC trong giáo dục tiểu học;... (nếu có).

2. Kết quả thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

2.1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

- Kết quả công tác bảo đảm an toàn trường học
- Việc kiểm tra, hướng dẫn nội dung này

2.2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

a) Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường để chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành chương trình năm học

Nêu kết quả việc xây dựng, cập nhật, điều chỉnh bổ sung ccas nội dung giáo dục mới vào kế hoạch giáo dục nhà trường

b) Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

- Tỷ lệ 1 phòng học/lớp được đảm bảo/không đảm bảo, cơ sở vật chất đáp ứng/chưa đáp ứng việc tổ chức dạy và học, sĩ số học sinh/lớp theo quy định chưa?; việc trang bị đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định, đáp ứng nhu cầu của công tác giảng dạy; việc bảo đảm tỷ lệ 1,5 giáo viên/lớp và cơ cấu giáo viên để dạy đủ các môn học, hoạt động giáo dục và tổ chức dạy học 2 buổi/ngày theo quy định?.

- Việc thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học tự chọn theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

- Kết quả tổ chức dạy học 2 buổi/ngày

- Kết quả các hoạt động ngoài giờ học chính thức trong ngày theo quy định (nếu có)

2.3. Tổ chức dạy học các môn Tiếng Anh, Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

a) Tổ chức dạy học các môn Tiếng Anh

- Đối với lớp 1 và lớp 2
- Đối với lớp 3, lớp 4 và lớp 5

Đối với các nội dung trên cần nêu rõ số lớp, số học sinh, tỷ lệ, kết quả việc triển khai thực hiện dạy học

b) Tổ chức dạy học môn Tin học

- Đối với lớp 1 và lớp 2
- Đối với lớp 3, lớp 4 và lớp 5

Đối với các nội dung trên cần nêu rõ số lớp, số học sinh, tỷ lệ, kết quả việc triển khai thực hiện dạy học

2.4. Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình giáo dục phổ thông

- Kết quả triển khai dạy học nội dung trên
- Số lượng chuyên đề, số lượng tiết dạy học kết nối với các đơn vị trong xã, trong tỉnh, ngoài tỉnh (nếu có).

2.5. Thực hiện giáo dục STEM

- Kết quả triển khai dạy học Bài học STEM, tình hình sử dụng tài liệu của học sinh khi học nội dung bài học STEM
- Việc chỉ đạo, triển khai tham gia mô hình trường học STEM, việc thực hiện góc STEM, phòng STEM, ... trong nhà trường

2.6. Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Đánh giá việc thực hiện phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

b) Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá

Đánh giá kết quả việc thực hiện đánh giá học sinh tiểu học

2.7. Thực hiện chương trình liên kết, có yếu tố nước ngoài

Nêu kết quả (nếu có)

2.8. Kết quả về chất lượng giáo dục cuối năm học 2025-2026

(Các đơn vị xuất báo cáo file excel từ Hệ thống CSDL ngành của Bộ GDĐT đính kèm theo báo cáo này)

3. Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và bảo đảm hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

a) Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục

Kết quả phổ cập giáo dục tiểu học của đơn vị cấp xã, những khó khăn.

b) Thực hiện hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

Kết quả xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, số trường đã đạt được, số trường quá hạn và lý do.

4. Triển khai các giải pháp tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số và dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một

Số trường, số lớp, số học sinh thực hiện và kết quả triển khai.

5. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật; trẻ em lang thang, cơ nhỡ

Nêu số lượng, kết quả đối với từng loại hình.

6. Thực hiện hiệu quả lớp học linh hoạt, lớp ghép

Số trường có lớp ghép, số học sinh, kết quả thực hiện.

7. củng cố và tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục

- Kết quả công tác nâng cao hiệu quả hoạt động của thư viện trường học.

- Kết quả công tác chuyển đổi số trong GD và giáo dục kỹ năng công dân số.

- Kết quả triển khai Học bạ số.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả nổi bật

Nêu các kết quả tiêu biểu, những chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch năm học trên địa bàn so với chỉ tiêu của tỉnh đề ra.

2. Tồn tại, hạn chế

Nêu những khó khăn, tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ đối với GDMN, GDTH.

3. Nguyên nhân

Phân tích nguyên nhân khách quan, chủ quan của những tồn tại, hạn chế.

4. Kiến nghị, đề xuất

Đề xuất với Sở GDĐT và các cấp quản lý về cơ chế, chính sách, đội ngũ, cơ sở vật chất và các điều kiện bảo đảm nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học trên địa bàn trong thời gian tới.
